

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

“V/v Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Huệ và ông Phan Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thúy Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 131/2025/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Lê Thị C**, sinh năm 1981, địa chỉ: **B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng** – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1983, địa chỉ: **B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng** – vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: cháu **Nguyễn Thành Đ**, sinh ngày 15/04/2009; cháu **Nguyễn Hoàng A**, sinh ngày 31/03/2017; địa chỉ: **B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng**.

Người đại diện theo pháp luật của cháu **Đ**, Anh:

- chị **Lê Thị C**, sinh năm 1981 – địa chỉ: **B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng**, là mẹ của cháu **Đ, A**.

- anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1983; địa chỉ: **B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng**, là cha của cháu **Đ, A**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị **Lê Thị C** trình bày: Năm 2005, chị và anh **Nguyễn Văn P** đã tìm hiểu và lấy nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Thời gian đầu hai vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, không

tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2025, hai bên không còn quan tâm nhau. Chị C xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: có 03 con chung gồm:

1. Nguyễn Văn H – sinh ngày 19/05/2005
2. Nguyễn Thành Đ – sinh ngày 15/04/2009
3. Nguyễn Hoàng A – sinh ngày 31/03/2017

Đối với con chung Nguyễn Văn H hiện đã trên 18 tuổi, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với các con còn lại là Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Hoàng A, chị C nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Hiện nay, chị C đang làm môi giới đất và có 01 ha đất trồng cà phê và mắc ca, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng. Hiện 03 cháu H, Đ, Hoàng A đều ở với chị C; anh P thuê nhà ở gần nhà, thỉnh thoảng về thăm con.

Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn P: Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh P không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Toà án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông cũ, nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ. Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Lâm Đồng đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị C ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Thành Đ**, sinh ngày 15/4/2009; cháu **Nguyễn Hoàng A**, sinh ngày 31/03/2017 cho chị **C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung. Do chị **C** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị **Lê Thị C** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003067 ngày 10 tháng 09 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị **Lê Thị C** khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh **Nguyễn Văn P**, anh **P** đăng ký thường trú tại bon BuDă, **xã Q, tỉnh Lâm Đồng**, đây là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, điểm a khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: “*Anh **P** có đăng ký thường trú tại bon BuDă, **xã Q, tỉnh Lâm Đồng**, và có mặt tại địa phương*”; Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh **P** không đến Tòa án làm việc; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh **P** theo thủ tục chung nhưng anh không hợp tác, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không có ý kiến đối với nội dung vụ án.

Tại phiên tòa ngày ngày 10 tháng 11 năm 2025 và phiên tòa hôm nay, anh **P** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị **C** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị **C** với anh **P**, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 16/7/2018, chị **Lê Thị C** và anh **Nguyễn Văn P** tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **A, huyện K, tỉnh Ninh Bình** (cũ) (nay là Ủy ban nhân dân xã **K, tỉnh Ninh B**) theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị **C** và anh **P** là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân: Chị **C** cho rằng, quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không tôn trọng nhau, chị **C** và anh **P** đã sống ly thân, chị **C** xác định không còn tình cảm với anh **P**. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **P** nhưng anh **P** không đến Tòa án làm việc, không tham dự phiên hòa giải là thể hiện không mong muốn gia đình đoàn tụ. Với thực trạng nói trên cho

thấy hôn nhân giữa chị **C** và anh **P** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị **C** với anh **P** là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Chị **C** yêu cầu Tòa án giao con chung là cháu **Nguyễn Thành Đ**, sinh ngày 15/4/2009; cháu **Nguyễn Hoàng A**, sinh ngày 31/03/2017 cho chị **C** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, anh **P** vắng mặt nên không thỏa thuận được với chị **C** về người trực tiếp nuôi con chung; hiện tại, cháu **Đ**, Anh đang sống chung và có nguyện vọng được ở cùng với chị **C**; chị **C** có công việc và thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng; đủ khả năng nuôi 02 cháu. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu **Đ**, Anh cho chị **C** được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp, anh **P** có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác. Chị **C** không yêu cầu anh **P** cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[5] Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Chị **C** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Lê Thị C** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003067 ngày 10 tháng 09 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lê Thị C**.

1. Về hôn nhân: Chị **Lê Thị C** ly hôn với anh **Nguyễn Văn P**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Thành Đ**, sinh ngày 15/4/2009; cháu **Nguyễn Hoàng A**, sinh ngày 31/03/2017 cho chị **Lê Thị C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Anh **Nguyễn Văn P** có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trường hợp, anh **P** có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Chị **Lê Thị C**, anh **Nguyễn Văn P** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng khi cần thiết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Lê Thị C** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003067 ngày 10 tháng 09 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Phòng THA DS Khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu.

TANDKV7-LĐ



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa



Phạm Quang Trung